

TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ

ĐẶNG THỊ THÚY HOA

TÓM TẮT

Khổng Tử (孔子 còn gọi là Khổng Phu Tử 孔夫子, 551-479 trước công nguyên) là nhà tư tưởng, nhà triết học xã hội nổi tiếng người Trung Hoa. Bài viết đề cập đến quan điểm về giáo dục của ông. Khổng Tử đã đề xuất một hệ thống phương pháp giáo dục khá chặt chẽ, với những kiến giải sâu sắc và sử dụng nhiều phương pháp dạy học độc đáo.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội Trung Hoa thời kỳ Xuân Thu chiến quốc (722-481 trước Công nguyên), là giai đoạn lịch sử mà thể chế xã hội có nhiều xáo trộn. Chế độ chiếm hữu nô lệ theo kiểu phương Đông mà đỉnh cao là chế độ “tông pháp” nhà Chu đã suy tàn trong khi chế độ phong kiến sơ kỳ đang manh nha hình thành. Các nước chư hầu gây chiến tranh liên miên, vô cùng khốc liệt nhằm thôn tính và tranh giành địa vị của nhau. Trong bối cảnh lịch sử xã hội ấy, việc “an dân”, “trị quốc”, “bình thiên hạ”, hưng thịnh lại trật tự lễ nghĩa, đạo đức luân lý xã hội, cải biến xã hội từ “loạn” thành “trị”, giáo hóa con người từ “ác” trở thành “thiện”, từ “vô đạo” thành “hữu đạo”, đã trở thành vấn đề hết

sức cơ bản và cấp bách buộc những người cầm quyền và các nhà tư tưởng phải quan tâm giải quyết. Trường phái Đạo gia chủ trương “vô vi” với thái độ bi quan yếm thế. Mặc gia chủ trương “kiêm ái” dung hòa ảo tưởng mang tính siêu giai cấp. Pháp gia chủ trương dùng “hình pháp” để ổn định lại trật tự xã hội. Còn Khổng Tử, sáng lập ra phái Nho gia dựa trên cơ sở học thuyết về đức “trung hòa”, “trung dung” là đạo của trời đất và học thuyết về bản tính “nhân nghĩa” của đạo làm người. Khổng Tử chủ trương trị nước bằng phương pháp “đức trị” và đề cao việc “giáo hóa con người” làm phương thế để ổn định trật tự xã hội và tiến tới xây dựng một xã hội lý tưởng, thái bình thịnh trị.

2. QUAN NIỆM VỀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC

Khổng Tử cho rằng nhân cách con người được hình thành không chỉ thuần túy bởi điều kiện môi trường sống mà còn do điều kiện giáo dục quyết định, với mỗi người các đức tính như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng... cần phải được học tập, rèn luyện thì mới phát triển đúng hướng và mới có thể vận dụng vào trong cuộc sống. Khổng Tử cho rằng giáo dục có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi lễ công bằng, đến tôn ti trật tự và thái độ của mỗi người đối với cuộc sống cộng đồng. Ông thấy được giáo dục không chỉ có vai trò quan trọng trong

việc hình thành nhân cách của mỗi cá nhân mà còn quyết định đến vận mệnh và tương lai của cả một dân tộc cho nên Khổng Tử đã chủ trương đề cao giáo dục đào tạo con người.

Khi đề cao vai trò của giáo dục, Khổng Tử cũng thể hiện rõ mục đích giáo dục của ông, bởi ông luôn quan tâm đến vấn đề xã hội, muốn ổn định trật tự xã hội và hướng tới xây dựng một xã hội lý tưởng thái bình thịnh trị, nên tư tưởng giáo dục của Khổng Tử tập trung nhằm giải quyết những vấn đề xã hội và mục đích giáo dục của Khổng Tử vì thế cũng nhằm đến mục đích chính trị rất rõ ràng, là đào tạo ra lớp người quân tử có đủ đức, tài, có đủ phẩm chất và năng lực để nhận chức của triều đình, trung thành phục vụ chế độ và làm lực lượng nòng cốt để ổn định và cải biến xã hội, hướng tới xây dựng xã hội lý tưởng.

Mẫu người quân tử là người có nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu, dũng, hiền đạo, vui với đạo và thuận theo đạo. Vì thế trước hết người quân tử phải chú tâm theo “thiên lý”, lo “đạt đạo” và làm những điều ngay chính. Trong cuộc sống và nhất là sống trong một xã hội đầy biến động loạn lạc, cho dù ở đâu và bất cứ tình huống nào, người quân tử phải luôn luôn sống “chính danh”, giữ phẩm hạnh. Người quân tử không sống cho riêng mình, cũng không đòi hỏi được hưởng thụ đầy đủ mọi nhu cầu của cuộc sống mà chỉ cần vừa đủ để sống và sống sao trọn ý nghĩa của cuộc đời làm người, điều chính yếu là chuyên tâm học đạo, tu sửa thân mình, biết vận dụng đạo lý vào trong cuộc sống sao cho bản thân mình mỗi ngày một hoàn thiện, một thăng tiến.

3. ĐỐI TƯỢNG CỦA GIÁO DỤC

Khổng Tử chỉ quan tâm giáo dục một lớp đối tượng mà ông hy vọng có thể làm nòng cốt cho xã hội chứ không phải là toàn thể nhân dân lao động. Ở đây Khổng Tử đã có sự mâu thuẫn với chính mình, một mặt với tư tưởng tiến bộ và trái tim nhân hậu mong muốn đưa mọi người trở về với đức nhân bằng việc giáo hóa đạo đức nên ông chủ trương “hữu giáo vô loại”, ai cũng được học và có quyền được học, ông chủ trương mở rộng giáo dục, bình dân hóa giáo dục. Mặt khác đứng trên lập trường của giai cấp thống trị ông lại cho rằng: “chỉ những người thượng trí và những kẻ hạ ngu là không đổi nét của mình - duy thượng trí dữ hạ ngu bất di” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 270-271), thượng trí là những người không cần học cũng biết, còn hạ ngu là những kẻ không biết và có học cũng không biết.

Giáo dục con người theo Khổng Tử là dạy học “đạo lý”, học đạo lý làm người, học tư cách làm người trước rồi mới học văn chương, lục nghệ: “kẻ đệ tử khi vào thì thảo với cha mẹ; khi ra thì kính anh chị và người lớn tuổi; làm việc gì thì cũng phải cẩn thận và ăn nói chắc thật, thương tất cả mọi người, nhưng hay thân cận với người nhân đức. Làm bao nhiêu việc đó trước đã; nếu còn dư sức, hãy qua học văn chương lục nghệ” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 6-7). Nhờ biết đạo con người mới biết tư cách ứng xử với nhau. Nội dung của đạo cũng chính là nội dung giáo dục của Khổng Tử, được thể hiện tập trung qua các phạm trù “nhân”, “trí”, “dũng”, “lễ” và “chính danh định phận” trong đó nội dung cốt lõi là “đức nhân” để đạt tới đạo của người quân tử.

4. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Để đào tạo ra những con người lý tưởng, Khổng Tử đã đề xuất một hệ thống phương pháp giáo dục khá chặt chẽ, với những kiến giải sâu sắc. Có thể nói với hệ thống phương pháp giáo dục này Khổng Tử xứng đáng là một nhà giáo dục lớn. Khổng Tử đã sử dụng nhiều phương pháp dạy học rất độc đáo.

Một là, phương pháp đối thoại gợi mở, là phương pháp giảng dạy bằng cách trao đổi giữa thầy và trò, giữa người dạy và người học nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo và khả năng tư duy của người học. Ông nói: “Kẻ nào chẳng phấn phát lên để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào chẳng ráng lên để tỏ ý kiến mình, thì ta chẳng khai phát cho được. Kẻ nào đã biết rõ một góc, nhưng chẳng chịu căn cứ vào đó để biết luôn ba góc kia, thì ta chẳng dạy kẻ ấy nữa” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 100-101).

Hai là, phương pháp kết hợp học đi đôi với hành, lời nói kết hợp với việc làm, là thực hành điều đã học và đem tri thức của mình vận dụng vào trong cuộc sống. Ông nói: “Người quân tử trước học văn chương (như *Kinh Thi*, *Kinh Thư*) đặt mở rộng trí thức của mình; kế đó, người nương theo lễ giáo mà kiềm giữ lấy nét mình; nhờ vậy mà khỏi trái đạo lý” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 94-95).

Ba là, phương pháp “ôn cũ biết mới”, thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng và học tập. Ông thường nhắc rằng: “Người nào ôn lại những điều đã học, do nơi đó mà biết thêm những điều mới, người đó có thể làm thầy thiên hạ đó” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 20-21). Từ những kinh nghiệm của mình

Khổng Tử đã khái quát lên thành một phương pháp có tính nguyên tắc là cần phải nắm vững cái cũ thì mới biết sâu sắc được cái mới, so chuyện xưa mà biết chuyện nay và chuyện xảy ra sau này, biết kế thừa một cách sáng tạo những kinh nghiệm và tri thức của những người đi trước, vì không phải ôn cũ để biết cũ mà ôn cũ để biết mới.

Bên cạnh việc đưa ra hệ thống những phương pháp giáo dục rất tiến bộ, Khổng Tử còn nêu lên những yêu cầu căn bản và thiết thực mà người học phải tuân theo và chỉ khi có sự kết hợp hài hòa giữa phương pháp và những yêu cầu đó thì kết quả giáo dục mới đạt hiệu quả tốt. Có thể nói tinh thần hiếu học là một yêu cầu căn bản và quan trọng nhất trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, đó là tinh thần hiếu học, học hỏi không ngừng nghỉ và cố gắng cho đến cùng. Bởi vì tinh thần hiếu học giúp tạo ra cho người học một môi trường giáo dục rộng lớn để họ có thể học ở mọi người, mọi nơi, mọi lúc và trong mọi hoàn cảnh. Khổng Tử nói rằng: “Trong ba người đi đường, mình với hai người nữa, ắt có người là thầy của mình. Mình chọn điều lành điều phải của người này đặt làm theo; mình xét điều dữ điều quấy của người kia đặt sửa đổi lấy mình” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 108-109). Nghĩa là trong cuộc sống hàng ngày, trong quan hệ giao tiếp hàng ngày phải biết tìm hiểu, nghiên cứu và phát hiện ra những cái hay của những người xung quanh để mà học tập. Với thái độ cầu thị, khiêm tốn trong học tập như vậy thì mỗi ngày có thể tích lũy thêm tri thức mới.

Ngoài ra muốn học tập rèn luyện thành người tài đức, Khổng Tử cho rằng người học phải có thái độ cầu tiến vươn lên. Khổng Tử đã khẳng định rằng con người muốn đạt đến đỉnh cao của tri thức, đạt đến mức chí thành chí thiện thì phải học không ngừng, cố gắng không cùng và học không giới hạn. Ở đây Khổng Tử đánh giá rất cao vai trò của cá nhân trong việc tự giáo dục, đặc biệt là ông đã vạch ra cho giáo dục một nguyên tắc mà hiện nay đang là xu hướng của thời đại, đó là “tự giáo dục, giáo dục suốt đời”.

Tuy Khổng Tử đề cao nỗ lực chủ quan của người học là phải siêng năng, kiên trì, cố gắng, tiến lên không ngừng, nhưng Khổng Tử cũng phản đối thành kiến chủ quan, ông cho rằng muốn tiến bộ người học phải có thái độ khách quan trong học tập, không được vị kỷ tự dục, võ đoán, cố chấp, tự phụ chủ quan” (*Luận ngữ*, 1950, tr. 134).

Khổng Tử đã đưa ra hệ thống các phương pháp giáo dục, phát huy tính năng động, tích cực và sáng tạo của người học. Những phương pháp đó đến nay vẫn có ý nghĩa thiết thực, đem lại hiệu quả cao trong giáo dục. Khổng Tử cũng xác định, trong nền giáo dục cần phải đào tạo ra lực lượng nòng cốt để xây dựng xã hội và trung thành với chế độ xã hội ấy. Muốn thực hiện tốt chiến lược giáo dục đào tạo con người thì cần phải nhận thức đúng và

giải quyết đúng mối quan hệ giữa các mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Việc xã hội hóa giáo dục, mở rộng giáo dục phải đi đôi với việc chú trọng và bồi dưỡng nhân tài, vì nhân tài là lực lượng quan trọng, giữ vị trí then chốt và là chỗ dựa để thực hiện chiến lược phát triển đất nước. Đồng thời cũng cần phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa đức và tài, giữa “học lễ” và “học văn”. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn Chính. 2009. *Từ điển triết học Trung Quốc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1997. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Đoàn Trung Còn (dịch). 1950. *Luận ngữ*. Sài Gòn: Nxb. Trí Đức.
5. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*. Tập 4. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. Hồ Chí Minh. 1995. *Toàn tập*. Tập 9. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Nguyễn Đăng Tiến (Chủ biên). 1996. *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
8. Thái Duy Tuyên. 2007. *Triết học giáo dục Việt Nam*. Nxb. Đại học Sư phạm.